

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-ST

Ngày: 22.02.2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Sương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Phi Hùng – Cán bộ nghỉ hưu.

2. Ông Sơn Mút – Cán bộ nghỉ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án,
Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh: Ông Kim
Quang Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:112/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số:13/2022/QĐST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Vũ L, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Ông Trần Hoàng P, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện C, tỉnh Vĩnh Long. (Theo giấy ủy quyền ngày 04/10/2021).

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị H (tên thường gọi là B) sinh năm: 1975

Địa chỉ: Ấp E, xã F, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị H*: Luật sư Phan Hữu T – Trưởng Văn phòng Luật sư Phan Hữu T – Văn phòng luật sư K – thuộc đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long.

- *Người làm chứng theo yêu cầu của bị đơn là bà Nguyễn Thị H*:

1. Bà Lê Thị M, sinh năm: 1970; Địa chỉ: Ấp N, xã V, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long – Vắng mặt

2. Bà Hồ Thị K, sinh năm: 1968; Địa chỉ: Ấp X, xã S, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long – Vắng mặt.

(Còn lại các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 6 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn Huỳnh Vũ L - Người đại diện ông Trần Hoàng P trình bày:

Ông Huỳnh Vũ L và bà Nguyễn Thị H là chỗ quen biết nhau. Vào ngày 27/5/2020 (dương lịch), ông Huỳnh Vũ L có cho bà Nguyễn Thị H vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Việc vay mượn giữa hai bên có làm biên nhận nợ nhưng không có thỏa thuận lãi suất ban đầu do hai bên là chỗ quen biết nhau. Thời hạn vay là 01 tháng bên vay sẽ hoàn lại vốn và lãi kể từ ngày vay. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ thì bà H không trả nợ và lãi cho ông L mà cứ hẹn lần hẹn lượt. Sau đó, đến ngày 29/10/2021 (âm lịch) thì bà H có trả cho ông Huỳnh Vũ L được 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tiền vốn. Hiện nay, bà H còn nợ lại ông L 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tiền vốn và đến nay bà H vẫn chưa thanh toán cho ông L 50.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi kể từ ngày vay.

Nay ông Huỳnh Vũ L yêu cầu bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả lại cho ông Huỳnh Vũ L số tiền vốn là 50.000.000 đồng và tiền lãi được tính từ ngày 27/5/2020 đến ngày 27/5/2021 (dương lịch) với mức lãi suất 1%/tháng x 50.000.000 đồng x 12 tháng = 6.000.000 đồng. Như vậy, tổng tiền vốn và lãi yêu cầu là 56.000.000 đồng. Ngoài ra ông L không có yêu cầu gì khác.

Tại bản khai ngày 10 tháng 12 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H thừa nhận vào ngày 02/5/2020 (dương lịch) bà H có vay của ông Huỳnh Vũ L số tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng), có viết biên nhận nợ thừa nhận đây là chữ ký của bà H, lãi suất vay hai bên thỏa thuận là 10%/ tháng, thời hạn vay trong vòng 01 tháng sẽ thanh toán, hai bên cũng thỏa thuận là nếu bà H trả chưa đến thời hạn 01 tháng thì ông L vẫn tính lãi là 10%/tháng.

Vào ngày 22/6/2020, bà Nguyễn Thị H có trả cho ông Huỳnh Vũ L số tiền vốn là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), khi bà H giao tiền cho ông L thì ông L không có viết biên nhận lại cho bà H mà chỉ có người làm chứng là chị chồng của bà H tên là Lê Thị M, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp N, xã V, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long thấy và chứng kiến việc bà H trả 70.000.000đồng cho ông L. Như vậy, số tiền vốn bà H còn thiếu ông L chỉ có 30.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000đồng. Như vậy, tổng số tiền vốn và lãi bà H còn thiếu ông L tại thời điểm này là 40.000.000đồng chứ không phải 50.000.000đồng như ông L trình bày.

Sau đó, ông L có tính dồn gốc và lãi chồng lãi cho bà H kể từ ngày vay lên số tiền là 125.000.000đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) nhưng bà H không có giấy tờ gì chứng minh là ông Vũ L có ký nhận số tiền lãi của bà H). Đến ngày 04/02/2021 (dương lịch), bà H có bán được miếng đất nên có đem tiền trả cho ông L nhưng bà H không có giao trực tiếp cho ông L nhận mà giao cho bà K, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Ấp X, xã S, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long là người chủ đưa đồ để giao lại cho ông Huỳnh Vũ L nhưng khi bà H giao trả hết tiền cho ông L thì ông L không có viết lại biên nhận là bà H không còn nợ ông L đồng thời bà H cũng không có yêu cầu ông L trả lại biên nhận nợ ký ngày 27/5/2020 (dương lịch). Vì vậy, hiện nay bà H không còn nợ tiền vay của ông L nữa.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn là là ông Huỳnh Vũ L buộc bà H phải trả cho ông Huỳnh Vũ L số tiền vốn và lãi là 56.000.000đồng. Bà H cho rằng không còn nợ ông L, ngoài ra bà H không có yêu cầu gì thêm.

Người làm chứng theo yêu cầu của bị đơn là bà Nguyễn Thị H:

1. Bà Lê Thị M trình bày tại biên bản hòa giải của Tòa án vào ngày 13/12/2021:

Giữa bà M, bà H và ông L có mối quan hệ là bà M là chị chồng của bà H, còn ông Vũ L là cháu chồng của bà M. Trong sự việc vay tiền giữa bà H và ông L thì bà M có biết bà H có cần vay số tiền 100.000.000đồng để chuộc bằng khoáng đất về thì bà M có nói với bà H là chỗ Vũ L có nói là có người bạn của Vũ L ở Cần Thơ cho vay với lãi suất cao nhưng Vũ L lấy là 10%. Sau khi nghe được bà M giới thiệu thì bà H đồng ý vay của ông Huỳnh Vũ L. Sau đó, vào ngày 27/5/2020 (dương lịch) thì ông Vũ L có đem số tiền 100.000.000đồng đến nhà của bà M tại ấp Ấp N, xã V, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long để giao tiền cho bà H nhận và hai bên có làm biên nhận nợ với nhau.

Vào ngày, tháng nào thì bà M không nhớ là bà H có đem số tiền 70.000.000đồng trả cho ông L tại nhà của bà M. Lúc đó, bà M là người chứng kiến việc giao nhận tiền trả giữa bà H và ông L. Khi hai người giao trả số tiền cho nhau, bà M không thấy hai bên làm biên nhận cũng không có lấy biên nhận để ghi trừ lại số tiền còn lại. Hiện nay, bà M cho rằng bà chỉ biết bà H còn thiếu ông L số tiền nợ vốn là 30.000.000đồng và nợ lãi là 10.000.000đồng. Tổng cộng là 40.000.000 đồng. Ngoài ra, bà M không trình bày gì thêm.

Bà M cam đoan lời trình bày của bà là đúng sự thật nếu sai trái bà sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Bà Hồ Thị K trình bày tại biên bản hòa giải của Tòa án vào ngày 13/12/2021:

Giữa bà K, bà H và ông Vũ L không có mối quan hệ bà con gì hết mà chỉ là người ở lối xóm với nhau. Việc bà H và ông Vũ L có mối quan hệ vay tiền như thế nào thì bà không biết. Vào ngày, tháng nào thì bà K không nhớ rõ là ông Vũ L có điện thoại cho bà để nhờ bà qua Cầu Dừa thuộc xã Đông Thành, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long để lấy đồ giùm ông L. Khi đó, ông L cũng không nói với bà K qua Cầu Dừa để gặp ai và tên gì hết. Sau khi qua bờ bên kia của cầu Dừa thì bà K có gặp bà H, bà H có nói là bà gửi cho ông Vũ L 125.000.000đồng. Bà K sau khi nghe bà H nói vậy thì cũng không có mở ra xem bên trong có gì nên bà chỉ nghe bà H nói trong đó có 125.000.000đồng. Sau đó, bà K có đem tới bên bờ bên kia và đưa

cho ông L nhận tại bên đồ rồi đem về chứ không có kiểm tra lại số tiền bên trong. Lúc bà K đưa bọc tiền thì chỉ có bà và ông L biết, không có ai chứng kiến. Ngoài ra, bà K không trình bày gì thêm.

Bà K cam đoan lời trình bày của bà là đúng sự thật nếu sai trái bà sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Công bố tài liệu, chứng cứ:

Thẩm phán tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các đương sự đúng theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/01/2022 bà Nguyễn Thị H nộp chứng cứ là đơn yêu cầu hoãn phiên tòa và đơn yêu cầu đổi chất.

Tại phiên tòa phá bị đơn là bà Nguyễn Thị H có nộp chứng cứ: 01 tờ tường trình, 02 đơn yêu cầu xin vắng mặt của bà Lê Thị M và bà Hồ Thị K

Nguyên đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 147 BLTTDS năm 2015; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 5,6 Nghị 01, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326, ngày 20/12/2016 của UBTVQH, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Vũ L. Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Huỳnh Vũ L số tiền vốn và lãi là 56.000.000đồng (Năm mươi sáu triệu đồng)

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 2.800.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án nhân dân thị xã M đã thụ lý vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Xét thấy vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa được quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét bị đơn bà Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại ấp E, xã F, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long do đó Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Huỳnh Vũ L - Người đại diện theo ủy quyền của ông L có ông Trần Hoàng P vẫn giữ theo yêu cầu là yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Huỳnh Vũ L số tiền vốn là 50.000.000đồng và tiền lãi được tính từ ngày 27/5/2020 đến ngày 27/5/2021 (dương lịch) với mức lãi suất 1%/ tháng x 50.000.000 đồng x 12 tháng = 6.000.000đồng. Tổng tiền vốn và lãi ông L yêu cầu và bà H thanh toán là 56.000.000đồng (Năm mươi sáu triệu đồng). Ngoài ra ông Huỳnh Vũ L không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị H: Nay bà H không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà phải thanh toán cho ông Huỳnh Vũ L số tiền vốn và lãi là 56.000.000đồng vì hiện nay bà H không còn nợ ông L nữa. ngoài ra bà H không có yêu cầu gì thêm.

[2.1] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Vũ L yêu cầu bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán cho ông Vũ L tổng số tiền vốn và lãi là 56.000.000đồng (Năm mươi sáu triệu đồng) là có căn cứ xem xét. Bởi lẽ: Việc vay mượn tiền giữa ông L và bà H là có thật, vì bị đơn là bà Nguyễn Thị H thừa nhận có vay của nguyên đơn là ông Vũ L, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì nguyên đơn có xuất trình chứng cứ là một “giấy mượn tiền” viết tay, giấy A4, bằng chữ mực xanh có bà Nguyễn Thị

H ký tên vào ngày 27/5/2020” và được bị đơn là bà H thừa nhận đây là chữ ký của bà H là có vay của nguyên đơn số tiền 100.000.000đồng. Trong quá trình vay mượn, nguyên đơn ông L có xác định là bị đơn bà H đã trả cho ông L số tiền là: 50.000.000đồng vào ngày 29/01/2021 (âm lịch), không có thể hiện bằng biên nhận là khấu trừ lại mà chỉ có nguyên đơn ông L thừa nhận nên đây là những tình tiết sự thật, không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuy nhiên, phía bị đơn bà H cho rằng vào ngày 22/6/2020, bà Nguyễn Thị H có trả cho ông Huỳnh Vũ L số tiền vốn là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), khi bà H giao tiền cho ông L thì ông L không khấu trừ lại số tiền cho bà H mà theo bà H trình bày có chị chồng của bà H tên là Lê Thị M thấy và chứng kiến việc bà H giao tiền cho ông Vũ L là 70.000.000đồng và phía bà cũng cho rằng là còn nợ ông Vũ L số tiền 30.000.000đồng là tiền vốn và tiền lãi là 10.000.000đồng. Tổng cộng là 40.000.000đồng và bà H cho rằng ông L tính lãi chồng lãi cho nên số tiền lên đến 125.000.000đồng, bà H bán được đất nên bà có gửi bà K là người đưa đồ tại bến đò Rạch Chanh gửi trả cho ông L 125.000.000đồng cho nên bà H cho rằng hiện nay không còn nợ ông L nữa. Tại phiên tòa hôm nay phía bà H có yêu cầu bà M và bà K là người làm chứng cho bà H. Tại biên bản hòa giải của Tòa án vào ngày 13/12/2021 bà M trình bày là bà M có chứng kiến việc bà Nguyễn Thị H trả tiền cho ông Huỳnh Vũ L số tiền là 70.000.000đồng đưa tại nhà bà M, nhưng giữa bà H và ông Vũ L khi vay mượn tiền với nhau là bà H có ghi giấy nợ là nợ ông Huỳnh Vũ L số tiền là 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng), như vậy khi bà H trả 70.000.000đồng cho ông Vũ L thì bà M là người ngoài cuộc phải sáng hơn bà H và nếu chứng kiến việc hai người (L và H) trả nợ với nhau thì bà M phải yêu cầu ông Vũ L khấu trừ số tiền còn lại mà bà H thiếu ông L là 30.000.000đồng như vậy mới phù hợp, vì vậy việc bà M trình bày là chưa khách quan và trung thực, còn bà K cho rằng là ông L có điện thoại cho bà K qua tại Cầu dừa thuộc đường Quốc lộ 54 để nhận tiền dùm cho ông L, thì bà K cho rằng khi qua đến Cầu dừa gặp bà H là bà H đưa cho bà K một cái bít màu đen bà K nhận chứ bà K không biết trong bít màu đen đựng những vật gì, nhưng theo K khai là ông L kêu qua Cầu dừa nhận tiền dùm không nói là qua để gặp ai? tên gì?, nhưng khi bà K qua tới Cầu dừa thì gặp bà H, bà K cũng không gọi điện thoại để hỏi ông L xác định có phải là

bà H gửi tiền trả cho ông L không?, mà bà K cho rằng khi bà H đưa cho cái bịt màu đen thì đem qua bờ bên kia đưa lại cho ông L, khi đưa cho ông L thì bà K cũng cho rằng không ai thấy và cũng không biết trong bịt đựng những vật gì. Sau khi sự việc bà H gửi tiền để trả cho ông L thì bà H cũng không quan tâm đến cũng không gặp ông L để xác nhận là bà H đã gửi tiền thanh toán hết cho ông L để nhắc ông L là bà không còn nợ ông L nữa. Do vậy việc bà H nại ra cho rằng không còn nợ ông Huỳnh Vũ L, phía bà M và bà K là những người làm chứng cho bà H là không có căn cứ để xem xét.

Ngoài ra phía ông Huỳnh Vũ L yêu cầu phần lãi được tính từ ngày 27/5/2020 đến ngày 27/5/2021 (dương lịch) với mức lãi suất 1%/ tháng x 50.000.000 đồng x 12 tháng = 6.000.000đồng là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định đã nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là ông Huỳnh Vũ L là có căn cứ.

Buộc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán cho ông Huỳnh Vũ L tổng tiền vốn và lãi là 56.000.000đồng (Năm mươi sáu triệu đồng).

[3] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và áp dụng vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[3.1] Nguyên đơn ông Huỳnh Vũ L không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận toàn bộ, nên được hoàn trả lại số tiền mà ông Huỳnh Vũ L tạm ứng án.

[3.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có ngạch tương ứng đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận số tiền là đồng.

Xét lời đề nghị của luật sư Phan Hữu T – Văn phòng luật sư K, thuộc đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Nguyễn Thị H. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của luật sư Phan Hữu T - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Nguyễn Thị H là không có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng vào các Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; Điều 92; khoản 1 Điều 147 Điều 196, Điều 203, Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Vũ L.

1.1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán cho ông Huỳnh Vũ L tổng số tiền vốn và lãi là 56.000.000 đồng (Năm mươi sáu triệu đồng).

1.2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Hoàn trả lại cho ông Huỳnh Vũ L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.400.000 đồng theo biên lai thu số 0012260 ngày 26/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

2.2. Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm ngàn đồng). Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01
- VKSND TX.Bình Minh: 01
- Chi cục THADS TX.Bình Minh: 01
- Đương sự: 04.
- Lưu: 04

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Sương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Phi Hùng

Sơn Mút

Nguyễn Thị Tuyết Sương